

Bản án số: 61/2023/HS-PT
Ngày: 24/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Lê Phước Thanh**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Việt Cường**
ông **Trần Quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: bà **Dương Thị Tuyết Trinh** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Quách Đức Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai theo hình thức trực tuyến giữa: điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng với điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; xét xử vụ án hình sự thụ lý số 547/2022/TLPT-HS ngày 17 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Trần Thế A và đồng phạm về tội: “*Cướp giật tài sản*”.

Do bản án hành sự sơ thẩm số 105/2022/HSST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Trần Thế A (tên gọi khác: T)**; Sinh năm: 1986, tại tỉnh: Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông: Trần Văn T (đã chết); Con bà: Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1967; Gia đình bị cáo có 05 anh em ruột; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk kể từ ngày 01/12/2021 cho đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị Thanh D (tên gọi khác: U)**; Sinh năm 1985, tại tỉnh: Đắk Lắk; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Thanh S (đã chết); Con bà: Phan Thị Xuân M, sinh năm 1961; Gia đình bị cáo có 05 chị em ruột; Bị cáo có chồng là Vương Văn Q, sinh năm 1995; Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2008,

con nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk kể từ ngày 01/12/2021 cho đến nay, có mặt.

3. Họ và tên: **Phan Thị V (tên gọi khác: T)**; Sinh năm: 1992 tại tỉnh: Đắk Nông; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tỉnh Đắk Nông; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: thợ làm móng tay; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông: Phan Thanh K, sinh năm 1949; Con bà: Trần Thị L, sinh năm 1948; Gia đình bị cáo có 04 chị em ruột; Bị cáo có chồng là Trần Văn H, sinh năm 1987; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk kể từ ngày 01/12/2021 cho đến nay, có mặt.

4. Họ và tên: **Vương Văn Q**; Sinh năm: 1995 tại tỉnh: Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Con ông: Vương Văn Đ, sinh năm 1968; Con bà: Đinh Thị T, sinh năm 1972; Gia đình bị cáo có 02 anh em ruột; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1985; Bị cáo có 01 con sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk kể từ ngày 01/12/2021 cho đến nay, có mặt.

5. Họ và tên: **Văn Nguyễn Thành Đ**; Sinh năm: 2000, tại tỉnh: Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Con ông: Văn Đình V, sinh năm 1950; Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; Gia đình bị cáo có 02 anh em ruột; Bị cáo có chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk kể từ ngày 01/12/2021 cho đến nay, có mặt.

6. Họ và tên: **Nguyễn Văn H (tên gọi khác: B)**; Sinh năm: 1997, tại tỉnh: Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1970; Con bà: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1978; Bị cáo có vợ là Lê Thanh T, sinh năm 2003; Bị cáo có 01 con sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2016/HSST ngày 26/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện B xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt (*đã xoá án tích*).

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk kể từ ngày 01/12/2021 cho đến nay, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án:**

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thế A:

+ Bà Trần Thị C, sinh năm 1991 – Luật sư thuộc Công ty Luật T - Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

+ Luật sư Lê Xuân A P và Luật sư Lê Thanh K - Tất cả có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Thị V:* Bà Lê Thị G, sinh năm 1980 – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư H - Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

Bị cáo Phan Thị V đề nghị xét xử vắng mặt người bào chữa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh D:* Ông Nguyễn Trung S, sinh năm 1983 – Luật sư thuộc Công ty Luật N và Cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vương Văn Q:* Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1988 – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư T và Cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Văn Nguyễn Thành Đ:* Bà M Thị Ngọc A, sinh năm 1995 – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư T, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H:* Luật sư Nguyễn Đức Du, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thế A và Nguyễn Văn H:*

+ Ông Lê Thanh K, sinh năm 1990 – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư T và Cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

+ Ông Lê Xuân A P, sinh năm 1977 - Luật sư thuộc Công ty Luật T - Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

* **Bị hại:** Bà Dương Thị G, sinh năm 1986; nơi cư trú: tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1991; nơi cư trú: huyện B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Vào khoảng tháng 9 năm 2021, thông qua mối quan hệ xã hội, Trần Thế A (*sinh năm 1986*) quen biết với chị Dương Thị G (*sinh năm 1986, trú tại tỉnh Đắk Nông*). Vì chị G đang thuộc đối tượng bị nợ xấu không làm thủ tục vay tiền ngân hàng được, do đó chị G đã nhờ Trần Thế A đứng tên giúp trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm hồ sơ vay số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) cho chị G tại Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế V (V) - Chi nhánh Đắk Lắk và chị G sẽ trả công cho Thế A số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*). Đến tháng 11 năm 2021, chị G tiếp tục nhờ A đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU428959, thửa đất số 539, tờ bản đồ số 18, địa chỉ tại huyện CM, tỉnh Đắk Lắk do chị G mua, để nhờ A làm thủ tục vay số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) tại Ngân hàng V Bank - Chi nhánh Đắk Lắk, địa chỉ tại thành phố B. Chị G thỏa thuận sau khi vay được tiền sẽ trả công cho A số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu*

đồng), còn tiền gốc và tiền lãi của khoản vay thì chị G sẽ có trách nhiệm trả cho ngân hàng thì A đồng ý.

Vào ngày 21/11/2021, trong lúc đang ngồi nhậu tại phòng trọ cùng Phan Thị V, Nguyễn Thị Thanh D, Vương Văn Q, Văn Nguyễn Thành Đ, thì A đã kể cho V, D, Q và Đ nghe việc chị G nhờ A đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giùm cho chị G để vay tiền như đã nêu trên. A lo lắng khi đứng tên giúp chị G vay số tiền lớn mà chị G không trả tiền lãi suất đúng hạn cho ngân hàng, thì A sẽ bị ghi nhận là nợ xấu. Sau khi nghe sự việc thì V, D, Q và Đ cho rằng số tiền A vay hai lần cho chị G là 1.500.000.0000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*) là số tiền lớn. Do đó, để chắc chắn việc trả tiền, thì phải yêu cầu chị G viết giấy cam kết trả nợ và A phải được trả tiền công nhiều hơn. Cả nhóm bàn bạc với nhau khi chị G lấy được tiền từ ngân hàng ra, thì nhóm của V, D, Q và Đ sẽ giả vờ đến tìm gặp A để đòi tiền nợ, rồi giằng co giật tiền của chị G và đem tiền về phòng trọ của V để cất giấu. Sau đó, yêu cầu chị G đến gặp, viết cam kết trả nợ và thỏa thuận để chị G cho A thêm tiền công. Để có lý do tạo tình huống đòi tiền nợ, A tự viết không một giấy vay tiền thể hiện nội dung A vay của V số tiền 1.350.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*).

Sáng ngày 30/11/2021, chị G gọi điện thoại cho A hẹn đến Ngân hàng V Bank - Chi nhánh Đắk Lắk để ký thủ tục vay tiền, thì A điện thoại báo cho D biết nên D, Q và Đ hẹn gặp nhau tại phòng trọ của D, địa chỉ thành phố B. Lúc này, Nguyễn Văn H (*cháu của D*) đến chơi, nên D đã rủ H cùng tham gia thì H đồng ý. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, A cùng V đi xe taxi đến phòng trọ của D thì V vào phòng trọ, còn A đi taxi lên Ngân hàng V Bank - Chi nhánh Đắk Lắk tại địa chỉ số 37 đường Ngô Quyền, phường Tân Lợi, thành phố B để vào làm thủ tục giải ngân và sẽ báo, nhắn tin cho V biết khi chuẩn bị nhận tiền. Sau đó D, V và H đi taxi đến ngân hàng, còn Q điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60S3-348.93 chở Đ đến sau. Khi đến ngân hàng, D, V và H ngồi ở hàng ghế phía sau gần chỗ A và chị G làm hồ sơ, thủ tục giải ngân. Sau khi nhận số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*), thì chị G lấy số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) trả nợ cho chị Trần Thị Hoài N (*sinh năm 1990, là nhân viên Ngân hàng V Bank*) rồi cầm hai túi vải màu xanh bên trong đựng số tiền 940.000.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi triệu đồng*) đi ra trước cửa ngân hàng, thì A đi theo sau. Lúc này, theo như kế hoạch đã bàn bạc, D và V đi tới chỗ chị G và A, giả vờ đòi nợ A số tiền 1.350.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*), rồi yêu cầu chị G đưa tiền cho A để trả nợ. Chị G không đồng ý và cầm hai túi đựng tiền lùi lại rồi nói đây là tiền của chị G. V tiến đến dùng tay xô đẩy, giằng co, giật hai túi tiền trên tay chị G rồi nhanh chóng đưa cho D đứng gần bên. Lúc này, chị G truy hô “*Cướp, cướp, cướp!*” và giữ V lại. D đưa hai túi tiền cho H để H đưa cho Đ và Q đang đợi sẵn ở ngoài đường trước cửa Ngân hàng. Q điều khiển xe mô tô chở Đ ngồi phía sau đem số tiền vừa chiếm đoạt được nhanh chóng chạy về phòng trọ của Q tại, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Còn D, H và A nhanh chóng lên xe taxi bỏ đi đến nhà nghỉ Bảo Ngọc, địa chỉ tại thành phố B để lần trốn. Sau khi chiếm đoạt được tiền, Q và Đ về phòng trọ bỏ tiền vào balô, rồi Đ đi taxi đem tiền đến nhà nghỉ H, địa chỉ tại thành phố B để cất giấu, còn Q quay lại đón D đi đến nhà nghỉ Hương Rừng gặp Đ. Tại đây, Đ giao lại balô đựng tiền cho D. D lấy 20.000.0000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) từ tiền chiếm đoạt được chia cho Q 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*); chia cho Đ 10.000.000 đồng

(Mười triệu đồng) và chia cho H 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Sau đó, D dặn Đ đi trốn, nếu Cơ quan công an triệu tập thì khai là tiền do A giữ. D lấy 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) sử dụng vào mục đích cá nhân, số tiền còn lại là 890.000.000 đồng (Tám trăm chín mươi triệu đồng) D đưa cho Q đem đến Ngân hàng T thành phố B, tỉnh Đắk Lắk gửi vào tài khoản của Nguyễn Thanh T (sinh năm 1991, là em trai của D) để tránh bị Cơ quan công an phát hiện (Bút lục số 89-113, 129-150, 168-190, 218-228, 252-265, 287-317, 323-513).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2022/HSST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Thế A (tên gọi khác: T), Nguyễn Thị Thanh D (tên gọi khác: U), Phan Thị V (tên gọi khác: T), Vương Văn Q, Văn Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Văn H (tên gọi khác: B) phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Thế A** (tên gọi khác: T) **19 (Mười chín)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/12/2021.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 171; điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh D** (tên gọi khác: U) **18 (Mười tám)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/12/2021.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 171; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phan Thị V** (tên gọi khác: T) **18 (Mười tám)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/12/2021.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Vương Văn Q** **17 (Mười bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/12/2021.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 171; điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Văn Nguyễn Thành Đ** **16 (Mười sáu)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/12/2021.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** (tên gọi khác: B) **14 (Mười bốn)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/12/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, bản án sơ thẩm bị kháng cáo như sau:

- Ngày 26/9/2022, bị cáo Vương Văn Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 10/10/2022, bị cáo Vương Văn Q kháng cáo bổ sung cho rằng bị cáo không tham gia bàn bạc và chỉ được nhờ đi gửi tiền nên đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

- Ngày 28/9/2022, bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Ngày 03/10/2022, bị cáo Nguyễn Thị Thanh D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Phan Thị V kháng cáo cho rằng bị cáo không tham gia bàn bạc tổ chức dàn cảnh và không có ý định chiếm đoạt tài sản.
- Ngày 04/10/2022, bị cáo Văn Nguyễn Thành Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Ngày 05/10/2022, bị cáo Trần Thế A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 10/10/2022, bị cáo Trần Thế A kháng cáo bổ sung, cho rằng bị cáo không có mục đích cướp giật tài sản và bị hại trong vụ án này không phải là bà Dương Thị G nên đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Trần Thế A, Nguyễn Thị Thanh D, Phan Thị V, Vương Văn Q, Văn Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Văn H giữ nguyên kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thế A, Nguyễn Thị Thanh D, Phan Thị V, Vương Văn Q, Văn Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn H và sửa bản án sơ thẩm; với lý do như sau:
- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn hối cải.
- Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đối với các bị cáo trong vụ án này là quá nặng, quá nghiêm khắc.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đều khai nhận hành vi bàn bạc, viết giấy nợ giả về việc bị cáo Trần Thế A vay tiền của bị cáo V và vạch kế hoạch dàn cảnh đòi nợ để lấy số tiền 940.000.000 đồng của bị hại Dương Thị G sau khi bị hại G cầm được tiền của Ngân hàng VB Bank - Chi nhánh Đắk Lắk. Cụ thể như sau:

[1.1] Bị cáo Trần Thế A thừa nhận đã bàn bạc với các bị cáo V, Đ, Q thực hiện việc dàn cảnh bị cáo A vay tiền của V, để đòi nợ tiền và lấy tiền của chị G: “Chiều ngày 21/11/2021, bị can đến phòng trọ...gặp V, D, Q, Đ ...tại đây, V và D có bàn đến việc làm giả giấy vay tiền có nội dung tôi nợ của V số tiền 1.350 triệu đồng để lấy lý do đòi tiền của tôi và giật tiền của chị G khi ngân hàng giải ngân” và khi chuẩn bị thực hiện, bị cáo A đã dùng điện thoại báo cho các bị cáo khác để thực hiện kế hoạch đã bàn bạc: “Khoảng 10h ngày 30/11/2021, chị G gọi điện thoại cho tôi đến ngân hàng V Bank ...để làm thủ tục giải ngân. Tôi hẹn chiều và báo cho V và D biết để chuẩn bị như kế hoạch đã bàn bạc với nhau từ trước” (BL 110- Có luật sư Trần Thị C tham gia).

[1.2] Bị cáo D và bị cáo V cũng thừa nhận tại phòng trọ vào chiều ngày 21/11/2021, các bị cáo cùng với bị cáo Thế A bàn bạc viết giấy nợ giả, dàn cảnh đòi nợ và lấy tiền của chị G như lời khai của bị cáo A: “*Trước ngày 30/11/2021 vài ngày, tôi cùng chồng là Vương Văn Q và em Văn Nguyễn Thành Đ đi qua phòng trọ của Trần Thế A nhậu cùng với Thế A và V. Tại đây...chúng tôi nói chuyện, bàn bạc với nhau nhằm lấy được số tiền 1 tỷ đồng ...*” (BL 188- Có luật sư Nguyễn Trung S tham gia); “*Vào một ngày (không nhớ cụ thể), trước ngày 30/11/2021 khoảng 20 ngày. Tôi, D và Thế A gặp nhau tại phòng trọ của Trần Thế A và Thế A có kể cho chúng tôi việc của Thế A...Trưa ngày 30/11/2021, Thế A nhắn tin với tôi chiều nay ngân hàng giải ngân và đến 14 giờ cùng ngày thì Thế A thuê xe taxi đến đón tôi...*” và: “*Tôi cùng Nguyễn Thị Thanh D, Trần Thế A, Vương Văn Q, Văn Nguyễn Thành Đ...đã bàn bạc, thống nhất và rủ nhau thực hiện việc dàn cảnh tôi đòi nợ tiền của Trần Thế A , sau đó chiếm đoạt số tiền 1.000.000.000 đồng của chị Dương Thị G.*” (BL 83 và 149- Có luật sư Lê Thị G tham gia).

[1.3] Bị cáo Vương Văn Q, Văn Nguyễn Thành Đ; tuy không tham gia bàn bạc cụ thể nhưng tại phòng trọ của V vào chiều ngày 21/11/2021; các bị cáo Q và Đ đều nghe và tiếp nhận ý chí của các bị cáo Thế A, D và V: “*Để thực hiện việc lấy tiền, tôi có biết bị can D, V bàn bạc với Thế A viết giấy vay tiền của V để lấy cơ đòi tiền, tạo lý do lấy tiền giúp Thế A.*” (BL 264- Có luật sư M Thị Ngọc A tham gia) và: “*Vào khoảng cách đây 10 ngày, thì tôi cùng D và Đ...đến phòng trọ của Thế A nhậu...Thế A nhờ tôi, D, V, Đ đến ngày ngân hàng giải ngân, khi ngân hàng giao tiền thì cùng nhau lên ngân hàng lấy số tiền đã vay...*” (BL 219).

[1.4] Bị cáo Nguyễn Văn H không tham gia bàn bạc với các bị cáo khác vào chiều ngày 21/11/2021, nhưng vào ngày 30/11/2021; sau khi được D gọi điện bảo H đi đòi nợ giúp D và trả tiền công thì bị cáo liền đồng ý thực hiện: “*Vào lúc 12 giờ ngày 30/11/2021...dì tôi là Nguyễn Thị Thanh D...gọi điện nhờ đi đòi nợ cùng rồi đi cho tiền thì tôi đồng ý. Tôi đi đến phòng trọ gặp chị D và một số người khác gồm anh Q, chị T (V) và anh Đ...Trước khi đi, tôi chỉ được phân khi nào chị T (V) lấy được tiền nợ thì tôi sẽ mang tiền ra cho anh Q đang đợi ở trước ngân hàng*” (BL 287).

[1.5] Các lời khai thừa nhận việc bàn bạc, viết giấy nợ giả và vạch kế hoạch dàn cảnh đòi nợ của các bị cáo Trần Thế A, Nguyễn Thị Thanh D, Phan Thị V và tiếp nhận ý chí của các bị cáo Vương Văn Q, Văn Nguyễn Thành Đ nêu trên trước khi thực hiện tội phạm phù hợp với việc khi tiến hành thực hiện tội phạm: các bị cáo điện thoại thông tin cho nhau thời điểm thực hiện, địa điểm tập trung, cùng nhau đến địa điểm gây án và tại nơi gây án, sau khi thấy chị G lấy tiền ra thì V và D đã tiến lại chỗ chị G; bị cáo V giả vờ đòi nợ Thế A, yêu cầu chị G phải giao tiền để Thế A trả nợ, chị G không đồng ý nên V đã giằng co giật 02 túi tiền từ tay chị G đưa cho D, D đưa cho H, H đưa ra xe cho Q và Đ đã chờ trước ngân hàng tẩu thoát. Đối với bị cáo H, bị cáo H là bị cáo đi đòi nợ thuê, chứng kiến việc giằng co, giành giật túi tiền chị G của các bị cáo V, D và Q, Đ đi xe chờ sẵn phía trước để lấy tiền; là đã nhận thức được hành vi trái luật của các bị cáo trong vụ án nhưng vẫn giúp sức, tiếp tay lấy 02 túi tiền từ bị cáo D giao cho Q và Đ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “*Cướp giật tài sản*” là đúng người, đúng tội.

Trong vụ án này, tài sản thế chấp để vay số tiền 1.000.000.000 đồng là của bà Dương Thị G; bà G nhờ bị cáo A đứng tên chủ tài sản nhằm mục đích vay tiền cho bà G theo thỏa thuận của bị cáo A với bà G trước đó nên cấp sơ thẩm xác định bà Dương Thị G bị hại là đúng pháp luật. Đồng thời, sau khi chiếm đoạt được số tiền 940.000.000 đồng; các bị cáo không đem số tiền này về phòng trọ của bị cáo V cất giấu như lời khai của các bị cáo mà đem tiền về phòng trọ của Q, đem tiền đến nhà nghỉ Hương Rừng; D lấy một số tiền này chia cho các bị cáo Q, Đ, H và số tiền còn lại đem đến Ngân hàng T gửi để tránh bị Cơ quan công an phát hiện. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo chiếm đoạt số tiền 940.000.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Các bị cáo phạm tội mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng; địa điểm phạm tội là nơi thực hiện các hoạt động tài chính và đông người, đã làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội nên cần phải xử phạt nghiêm để giáo dục riêng và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, các bị cáo Trần Thế A, Nguyễn Thị Thanh D và Phan Thị V đều là người khởi xướng, lập kế hoạch và là người thực hành tích cực. Các bị cáo Vương Văn Q và Văn Nguyễn Thành Đ trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội theo sự chỉ đạo của bị cáo D. Bị cáo Nguyễn Văn H là người giúp sức cho các bị cáo khác thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của bị hại và có nhân thân xấu. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá mức độ phạm tội và vai trò của từng bị cáo trong vụ án; nhân thân và xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định xử phạt bị cáo Trần Thế A 19 năm tù; bị cáo Nguyễn Thị Thanh D 18 năm tù; bị cáo Phan Thị V 18 năm tù; bị cáo Vương Văn Q 17 năm tù; bị cáo Văn Nguyễn Thành Đ 16 năm tù và bị cáo Nguyễn Văn H 14 năm tù.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Trần Thế A, Nguyễn Thị Thanh D, Phan Thị V và Vương Văn Q thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn hối cải. Bị cáo Văn Nguyễn Thành Đ thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn hối cải; có hoàn cảnh gia đình khó khăn: Mẹ thường xuyên đau ốm, cha bị đột quỵ, bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình (*Được xác nhận của chính quyền địa phương ngày 06/10/2022*) gia đình có công. Bị cáo Nguyễn Văn H khai báo hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn (*vợ bỏ đi sinh sống nơi khác, con còn nhỏ- 03 tuổi và cha bị chấn thương sọ não*) và bị cáo đã giao nộp lại số tiền chiếm đoạt (BL 284). Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và giảm nhẹ một phần hình phạt các bị cáo cho Trần Thế A, Nguyễn Thị Thanh D, Phan Thị V, Vương Văn Q Văn, Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Văn H để thể hiện tính khoan hồng đối với người phạm tội đã thấy được lỗi lầm; như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng tại phiên tòa.

[3] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xét.

[4] Do chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Trần Thế A, Nguyễn Thị Thanh D, Phan Thị V, Vương Văn Q, Văn Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Văn H không phải chịu

án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thế A, Nguyễn Thị Thanh D, Phan Thị V, Vương Văn Q, Văn Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn H và sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Xử:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Thế A (*tên gọi khác: T*), Nguyễn Thị Thanh D (*tên gọi khác: U*), Phan Thị V (*tên gọi khác: T*), Vương Văn Q, Văn Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Văn H (*tên gọi khác: B*); phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Thế A** (*tên gọi khác: T*) **18 (Mười tám)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/12/2021.

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh D** (*tên gọi khác: U*) **17 (Mười bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/12/2021.

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phan Thị V** (*tên gọi khác: T*) **17 (Mười bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/12/2021.

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Vương Văn Q** **16 (Mười sáu)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/12/2021.

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Văn Nguyễn Thành Đ** **15 (Mười lăm)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/12/2021.

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** (*tên gọi khác: B*) **12 (Mười hai)** năm, **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/12/2021.

- Các bị cáo Trần Thế A, Nguyễn Thị Thanh D, Phan Thị V, Vương Văn Q, Văn Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng và về án phí sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Lưu: HSVA; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh